HIỆP ĐỊNH TẠO THUẬN LỢI THƯƠNG MẠI CỦA WTO: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI VIỆT NAM

Trịnh Thị Thu Hương[*]
Phan Thị Thu Hiền[**]

Tóm tắt

Hiệp định tạo thuận lợi thương mại của Tổ chức thương mại thế giới (World Trade Organization Trade Facilitation Agreement - TFA) – gọi tắt là Hiệp định hoặc TFA, được thông qua ngày 14/7/2014 tại Geneva sẽ là một trong những văn bản rất quan trọng của WTO nhằm tạo ra những thuận lợi nhất định cho di chuyển hàng hóa giữa các quốc gia thành viên của WTO. Là một thành viên của WTO, TFA sẽ mang lại những thuận lợi cũng như những khó khăn cho Việt Nam và doanh nghiệp Việt Nam. Như vậy việc nghiên cứu và thực hiện các giải pháp nhằm giải quyết vấn đề trên là hết sức cần thiết.

Từ khóa: *thuận lợi thương mại (Trade Facilitation), Hiệp định, TFA, hải quan.*

Mã số: 133.080115. Ngày nhận bài: 08/01/2015. Ngày hoàn thành biên tập: 03/02/2015. Ngày duyệt đăng: 03/02/2015.

1. Tổng quan về Hiệp định tạo thuận lợi thương mại của Tổ chức thương mại thế giới

1.1. Tiến trình đàm phán Hiệp định tạo thuận lợi thương mại của WTO

TFA hay còn gọi là các điều luật thuế quan toàn cầu (global customs rules) là hiệp định được thông qua dựa trên nguyên tắc đồng thuận của 160 quốc gia thành viên của WTO. Quá trình đàm phán nội dung Hiệp định bắt đầu từ tháng 7 năm 2004. Đây là một trong những chương trình làm việc quan trọng thuộc vòng đàm phán Doha của WTO. Nội dung Hiệp định được các quốc gia thà nh viên đàm phán nhằm hướng tới các mục tiêu cơ bản đó là: (1) tạo thuận lợi thương mại, đảm bảo sự cân bằng giữa tạo thuận lợi thương mại và đảm bảo tuân thủ luật pháp; (2) thúc đẩy vận chuyển, thông quan hàng hóa trong thương mại quốc tế; (3) đẩy mạnh sự phối hợp giữa hải quan và các cơ quan khác trong quá trình di chuyển hàng hóa quốc tế; (4) thúc đẩy hỗ trợ kỹ thuật và xây dựng năng lực các quốc gia thành viên WTO.

[*] PGS, TS, Trường Đại học Ngoại thương, Email:ttthuhuong@yahoo.com.
[**] TS, Trường Đại học Ngoại thương.

Hội nghị Bộ trưởng tại Bali, Indonesia năm 2013 đã thông qua Tuyên bố Bali về nội dung Hiệp định cũng như tiến trình phê duyệt và ký kết TFA. Tuyên bố Bali đã thông qua một số vấn đề quan trọng liên quan đến Hiệp định, đó là:

- ✓ Thống nhất về nội dung Hiệp định ở khía cạnh lời văn và cấu trúc,
- ✓ Thành lập Ủy ban l**âm thời** nhằm rà soát pháp lý TFA, soạn thảo Nghị định thư sửa đổi TFA cũng như tiến trình phê chuẩn Nghị định thư.
- ✓ Tiếp nhận cam kết thực thi biện pháp nhóm A của các quốc gia thành viên là nước đang phát triển.
- ✓ Ngày 24/11/2014, Nghị định thư sửa đổi nội dung TFA được thông qua và phê chuẩn từ phía WTO. Từ thời điểm này Nghị định thư được mở để các nước thành viên phê chuẩn. Khi đủ 2/3 số nước thành viên hoàn thành việc phê chuẩn thì Hiệp định sẽ có hiệu lực.

Bảng 1: So sánh nội dung Hiệp định và các quy định của GATT

Các Điều trong TFA	Phạm vi	Các Điều trong GATT
Điều 1 đến 5	Minh bạch	Điều X
Điều 6 đến 10	Phí và thủ tục	Điều VIII
Điều 11	Quá cảnh	Điều V
Điều 12 và 13	Các vấn đề khác	

Bảng 2: Các biện pháp kỹ thuật tạo thuận lợi thương mại trong nội dung Hiệp định

Các điều về minh bạch	**• Điều 1: Công bố và tính sẵn có của thông tin** **• Điều 2: Cơ hội góp ý, thông tin trước khi có hiệu lực và tham vấn** **• Điều 3: Quy định về xác định trước** **• Điều 4: Các thủ tục Khiếu nại và Khiếu kiện** **• Điều 5: Các biện pháp khác nhằm nâng cao tính công bằng, không phân biệt đối xử và minh bạc**
Các điều về phí và thủ tục	**• Điều 6: Quy định về phí và lệ phí của hoặc liên quan đến nhập khẩu và xuất khẩu và xử phạt** **• Điều 7: Giải phóng và thông quan hàng hóa** **• Điều 8: Hợp tác giữa các cơ quan quản lý biên giới** **• Điều 9: Vận chuyển hàng hóa chịu sự kiểm soát về hải quan đối với hàng nhập khẩu** **• Điều 10: Thủ tục liên quan đến nhập khẩu, xuất khẩu và quá cảnh**
Tự do quá cảnh	**Điều 11**
Hợp tác hải quan	**Điều 12**

Sau nhiều bế tắc tại Vòng đàm phán Doha, TFA đánh dấu sự thành công của WTO trong nỗ lực kết nối các quốc gia thành viên nhằm cắt giảm thời gian và chi phí trong giao dịch thương mại quốc tế, thúc đẩy quá trình hài hòa hóa, tiêu chuẩn hóa, minh bạch hóa và đơn giản hóa các quy định, thủ tục trong quá trình di chuyển hàng hóa thương mại quốc tế. Tuy vậy không thể phủ nhận nội dung Hiệp định của WTO được kiến tạo dựa trên nền tảng tạo thuận lợi hóa về công tác hải quan và quản lý biên giới quốc gia.

1.2. Cấu trúc của Hiệp định tạo thuận lợi thương mại của WTO

Hiệp định, ngoài "Lời mở đầu", gồm 3 phần.

Phần I: Điều khoản về nội dung

Phần này bao gồm 12 điều về các biện pháp kỹ thuật nghiệp vụ, phần nội dung này được xây dựng trên cơ sở kế thừa các điều khoản V, VIII và X của GATT, cụ thể như bảng 1,2.

Phần II: Đối xử đặc biệt và khác biệt (Special and Differential Treatment - SDT)

Phần này bao gồm 10 điều được coi là các điều khoản hỗ trợ kỹ thuật và xây dựng năng lực đối với các quốc gia đang và kém phát triển nhằm thực thi toàn bộ Hiệp định. Theo đó lộ trình thực hiện các nhóm A, B và C của các nước đang và kém phát triển được mô tả trong hình sau:

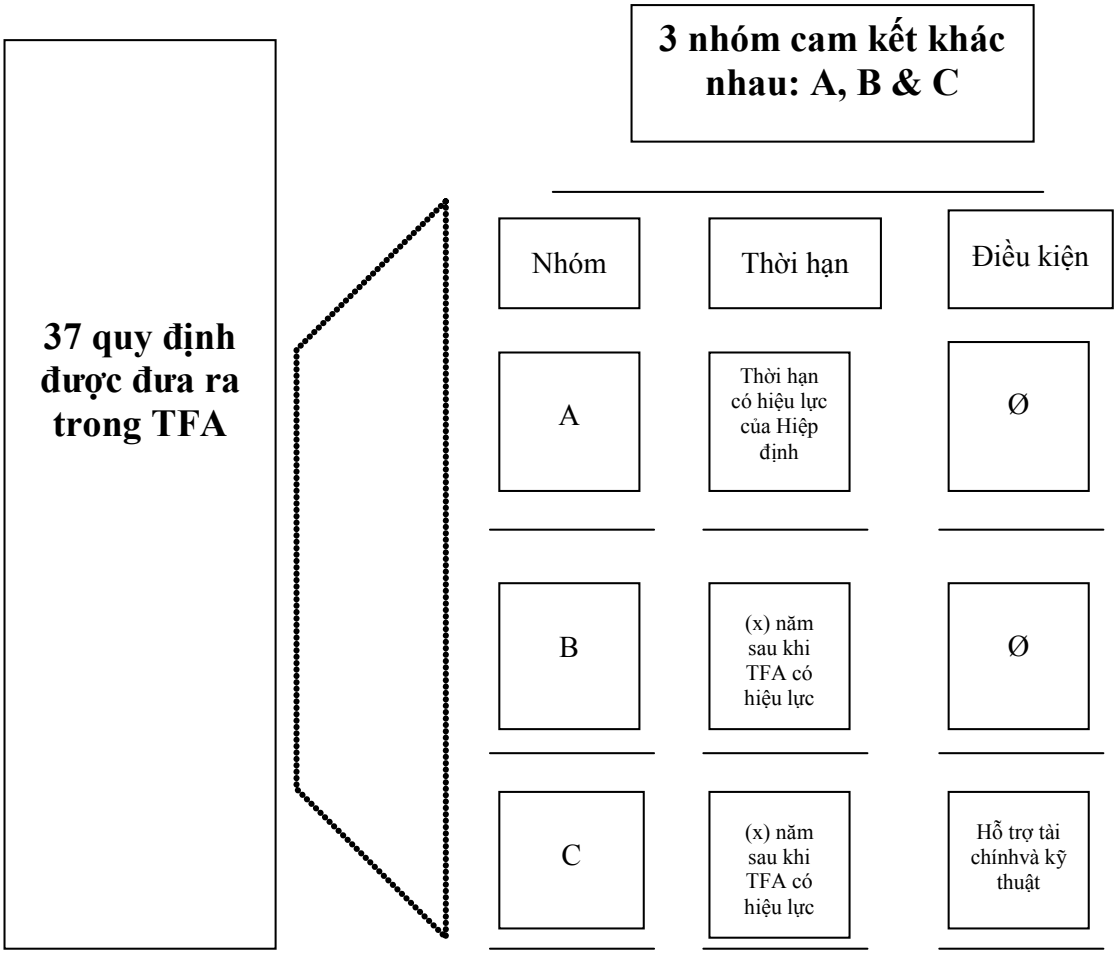

Phần III: Thỏa thuận thể chế và các điều khoản cuối

Phần này bao gồm 2 điều nói về cơ chế giám sát cam kết thực thi Hiệp định với vai trò quan trọng của Ủy ban tạo thuận lợi thương mại thuộc WTO và Ủy ban tạo thuận lợi thương mại của các quốc gia thành viên.

1.3. Ý nghĩa của Hiệp định tạo thuận lợi thương mại của WTO

Sự cần thiết cũng như ý nghĩa quan trọng của Hiệp định đối với thương mại quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hiện nay được thể hiện ở các khía cạnh sau đây:

Thứ nhất, TFA được coi là sự đồng thuận cam kết tạo thuận lợi thương mại của 160 nước thành viên WTO. Thông qua Hiệp định, WTO thực hiện cơ chế thực thi và giám sát tiến trình tạo thuận lợi thương mại trên phạm vi toàn cầu. Hơn nữa TFA được xem là công cụ hữu hiệu nhằm hài hòa hóa, minh bạch hóa và tiêu chuẩn hóa quy định pháp lý và thực hành pháp luật về kiểm tra, giám sát sự di chuyển hàng hóa trong thương mại quốc tế ở góc độ quản lý nhà nước nói chung và biên giới quốc gia nói riêng.

Thứ hai, TFA góp phần hạn chế rào cản thương mại đặc biệt những hàng rào phi thuế quan và kỹ thuật do các nước lập nên nhằm bảo hộ thương mại nội địa và khu vực. Hàng rào phi thuế quan và kỹ thuật đã, đang và sẽ gây cản trở không nhỏ đối với sự phát triển thương mại toàn cầu, gia tăng chi phí và thời gian giao dịch trong thương mại quốc tế.

Thứ ba, cơ quan quản lý vùng biên giới quốc gia và hải quan ngày càng đóng vai trò quan trọng trong thương mại quốc tế. Bên cạnh nghiệp vụ cơ bản là kiểm tra, giám sát sự di chuyển hàng hóa trong thương mại quốc tế, ngày nay cơ quan hải quan của mỗi quốc gia không ngừng mở rộng hoạt động của mình sang nhiều lĩnh vực khác như: chống khủng bố và buôn bán vũ khí trái phép, bảo vệ môi trường, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, đảm bảo an ninh lương thực,.... Điều này cần có cơ chế ràng buộc pháp lý và phối hợp hiệu quả giữa các quốc gia ở phạm vi toàn cầu, đó chính là TFA của WTO.

Thứ tư, cũng giống như các hiệp định quan trọng của WTO, TFA có tính ràng buộc và linh hoạt cao đối với các quốc gia thành viên thông qua cơ chế giải quyết tranh chấp và quy định về đối xử đặc biệt đối với các nước đang và kém phát triển. Bên cạnh đó Ủy ban tạo thuận lợi thương mại của WTO và quốc gia góp phần giám sát và điều chỉnh các vấn đề phát sinh trong thực thi tạo thuận lợi thương mại nhằm đạt được các mục tiêu về tạo thuận lợi thương mại của WTO.

2. Cơ hội và thách thức đối với Việt Nam

Việt Nam, một quốc gia đang phát triển với tư cách là một thành viên của WTO chắc chắn sẽ tuân thủ những quy định nội dung và cơ chế thực thi tạo thuận lợi thương mại. Đối chiếu các biện pháp nội dung của tạo thuận lợi thương mại với thực tiễn tạo thuận lợi thương mại tại Việt Nam, có thể nói rằng Việt Nam đã triển khai phần lớn các biện pháp. Thực tế, Việt Nam đã thông báo cam kết nhóm A với 15 biện pháp vào ngày 30/7/2014. Thông báo này sẽ là một phần không tách rời của Hiệp định khi Hiệp định có hiệu lực. Điều này đánh dấu nỗ lực của Việt Nam trong tiến trình tạo thuận lợi thương mại cũng như mở ra những cơ hội để Việt Nam trở thành quốc gia cạnh tranh về thương mại và đầu tư quốc tế. Tuy nhiên cho đến khi thực thi trọn vẹn Hiệp định, Việt Nam cũng sẽ đối mặt với nhiều thách thức và khó khăn.

2.1.Cơ hội

✓ *Tham gia sân chơi bình đẳng và minh bạch cùng với các quốc gia thành viên WTO về tạo thuận lợi thương mại trên phạm vi toàn cầu*

Cũng giống như các hiệp định khác của

WTO, TFA tạo ra một khuôn khổ pháp lý thống nhất và minh bạch đối với tất cả các nước thành viên nhằm tạo thuận lợi thương mại trên phạm vi toàn cầu. Bên cạnh đó, Hiệp định hướng tới sự bình đẳng, không phân biệt đối xử giữa các quốc gia thành viên, điều này tạo nền tảng cơ sở cho các nước đang phát triển như Việt Nam có định hướng, kế hoạch và lộ trình cụ thể để cải thiện năng lực cạnh tranh thương mại và đầu tư. Lợi ích mà Việt Nam được hưởng từ Hiệp định không tách rời chương trình hành động của các quốc gia thành viên khác, đó là vì một phần lớn của thương mại thế kỷ 21 cần có chuỗi cung ứng toàn cầu tích hợp để di chuyển hàng hóa trung gian và thành phẩm trên khắp thế giới. Hàng hóa trung gian chiếm 60% thương mại toàn cầu, và khoảng 30% thương mại toàn cầu được thực hiện giữa các công ty thành viên của các tập đoàn đa quốc gia (UNCTAD, 2013). Điều này có nghĩa là để cạnh tranh, các quốc gia phải đảm bảo rằng tất cả các giai đoạn của chuỗi cung ứng cần phải nhanh và hiệu quả. Trên thực tế, hoạt động logistics không hiệu quả sẽ trực tiếp làm giảm khối lượng và giá trị thương mại đối với hàng hóa và dịch vụ. Trong Báo cáo Thúc đẩy Thương mại Toàn cầu, Diễn đàn Kinh tế Thế giới ước tính năm 2012[1], chỉ số thúc đẩy thương mại (EtI) giảm 10% sẽ tương đương với sụt giảm trung bình 40% trong thương mại hai chiều.

✓ *Cải thiện các chỉ số phát triển của nền kinh tế vĩ mô*

Đó là giảm chi phí thương mại, tăng cơ hội tạo công ăn việc làm và thu nhập, từ đó thúc đẩy phát triển kinh tế. Theo một nghiên cứu của OECD (Moïsé, E. and S. Sorescu, 2013), cải cách thủ tục hải quan sẽ giúp cắt giảm 2,8% chi phí thương mại đối với các nước thu nhập trung bình khá, 2,2% đối với các nước thu nhập trung bình thấp. Thủ tục hải quan ở Việt Nam vẫn còn rườm rà, Việt Nam đứng thứ 65/189 nước về mức độ thuận lợi trong thủ tục hải quan. Hiện hệ thống hải quan Việt Nam có khoảng 500 văn bản, với 5000 điều kiện thực thi, đây được coi là cản trở lớn đối với các giao dịch thương mại có yếu tố quốc tế cũng như năng lực cạnh tranh quốc gia (Trần Hữu Huỳnh, 2014). Bảng đo lường chi phí và thời gian tiến hành thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu của Việt Nam và các nước, khu vực trên thế giới cho thấy rõ điều này (Bảng 3).

Vì vậy đổi mới và cải cách công tác quản lý nhà nước về hải quan trên cơ sở các biện pháp kỹ thuật của Hiệp định sẽ góp phần cắt giảm đáng kể chi phí và thời gian cho nền kinh tế rất nhiều. *Cùng xem* một ví dụ thực tế về biện pháp xác định trước thông tin khai báo hải quan theo điều 3 của TFA và ý nghĩa đối với các doanh nghiệp, nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Theo đó, nếu doanh nghiệp là một nhà xuất khẩu Việt Nam, doanh nghiệp phải biết chắc chắn mã HS và thuế, chi phí nguyên liệu thô nhập khẩu và các thành phần. Doanh nghiệp cũng cần phải biết liệu sản xuất hoặc hoạt động chế biến sử dụng "nguyên liệu không có nguồn gốc" sẽ đáp ứng yêu cầu về chứng nhận xuất xứ trong các hiệp định thương mại tự do. Một nghiên cứu của Phòng Thương mại Quốc tế (ICC, 2014) nhận định rằng xác định trước hải quan sẽ làm giảm chi phí thương mại tương tương với 3,7%.

✓ *Doanh nghiệp cắt giảm thời gian* và *chi phí thông quan, tăng cường năng lực cạnh tranh, đẩy mạnh xuất khẩu, mở rộng thị trường*

Nếu giảm được 1 ngày trong khâu làm thủ tục hải quan có thể tiết kiệm cho doanh nghiệp 1,6 tỷ USD (Trần Hữu Huỳnh, 2014). Thủ tục

[1] Nguồn:http://www3.weforum.org/docs/WEF_GlobalEnablingTrade_Report_2012.pdf, tra cứu ngày 25/11/2014.

Bảng 3: Chỉ số thực hiện giao dịch thương mại quốc tế năm 2013

	Chứng từ thông quan xuất khẩu	Thời gian xuất khẩu (ngày)	Chi phí xuất khẩu (đôla Mỹ/1 container	Chứng từ thông quan nhập khẩu	Thời gian nhập khẩu (ngày)	Chi phí nhập khẩu (đôla Mỹ/1 container
East Asia & Pacific	6	21	856	7	22	884
Europe & Central Asia	7	25	2.109	8	26	2.339
Latin America & Caribbean	6	17	1.283	7	19	1.676
Middle East & North Africa	6	20	1.127	8	24	1.360
OECD (nhóm thu nhập cao)	4	11	1.070	4	10	1.090
South Asia	8	33	1.787	10	34	1.968
Sub-Saharan Africa	8	31	2.108	9	38	2.793
Singapore	3	6	460	3	4	440
Việt Nam	5	21	610	8	21	600

Nguồn: Ngân hàng thế giới (WB), Doing Busines, 2014

hải quan của Việt Nam, mặc dù có nhiều tiến bộ song vẫn còn rườm rà, chưa theo kịp các nước trong khu vực: "*Thủ tục hải quan cho xuất khẩu mất 4 ngày, cao gấp 2 lần so với bình quân khu vực, thủ tục nhập khẩu là 4 ngày trong khi bình quân khu vực chỉ có 3 ngày là không thể chấp nhận được*"[2]. Trong khi đó, nội dung của TFA đưa ra nhiều biện pháp kỹ thuật nhằm đổi mới và cải cách thủ tục hải quan trong thương mại quốc tế, đáng kể như:

***Thứ nhất, minh bạch và quyền của doanh nghiệp**:* Công bố/Công bố trên mạng; Điểm giải đáp về thông tin thương mại; Khoảng thời gian giữa thời điểm công bố và thời điểm có hiệu lực; Cơ hội góp ý; Ra quyết định trước; Quyền khiếu kiện.

***Thứ hai, quá cảnh**:* Hạn chế về thuế và lệ phí; Không phân biệt đối xử; Không chịu thuế hải quan; Việc sử dụng bảo lãnh.

Thứ ba, thủ tục và phí nhập khẩu/xuất khẩu/quá cảnh: Nguyên tắc minh bạch, công khai về phí; Xử lý thông tin khai báo hải quan trước khi hàng đến; Quản lý rủi ro; Kiểm tra sau thông quan; Công bố thời gian giải phóng hàng trung bình; Doanh nghiệp ưu tiên; Hợp tác giữa các cơ quan quản lý biên giới; Rà soát các thủ tục và chứng từ; Cơ chế Một cửa; Xóa bỏ việc sử dụng cơ chế bắt buộc kiểm tra trước khi giao hàng; Giải phóng hàng riêng biệt với thông quan hàng hóa.

Khi thực thi các biện pháp kỹ thuật của TFA như trên, thủ tục hải quan tại Việt Nam sẽ đạt được các chuẩn mực về thuận lợi hóa thương mại, đó là: tiêu chuẩn hóa, hài hòa hóa, đơn giản hóa và minh bạch hóa. Điều này mang lại tiện ích lớn cho doanh nghiệp, đối tác song hành với cơ quan hải quan trong quá trình thông quan hàng hóa.

[2] Nguồn:http://thutuong.chinhphu.vn/Home/Cam-hung-moi-dong-luc-moi-den-tu-2014/201412/22332.vgp, tra cứu ngày 30/12/2014.

Có thể thấy tiện ích nói trên qua ví dụ về cơ chế hải quan Một cửa. Hải quan một cửa là nỗ lực toàn cầu để cung cấp cho các thương nhân và công ty một cổng thông tin điện tử duy nhất tại mỗi quốc gia để họ có thể nộp tài liệu và dữ liệu yêu cầu xuất nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa. Việc thực hiện cơ chế một cửa với các công cụ như hải quan điện tử, kết nối liên thông hải quan với các cơ quan quản lý nhà nước sẽ giúp doanh nghiệp cắt giảm phần lớn chi phí và thời gian thông quan hàng hóa, thúc đẩy lưu thông hàng hóa và cơ hội cạnh tranh trên thị trường thế giới. Nghiên cứu của ICC (ICC, 2014) cho thấy hải quan điện tử có thể dẫn tới giảm 2,6% chi phí thương mại, đơn giản hóa thủ tục hành chính sẽ làm giảm 5,6% chi phí thương mại và hợp tác giữa các cơ quan và hải quan sẽ đưa đến giảm 1,2% chi phí thương mại. Hiện nay Việt Nam đang ở giai đoạn đầu của quá trình thực hiện cơ chế một cửa quốc gia trong khuôn khổ ASEAN và APEC, thời gian tới khi cơ chế được hoàn thiện và vận hành thông suốt, doanh nghiệp sẽ được hưởng lợi ích lớn từ biện pháp thuận lợi hóa thương mại này.

2.2. Thách thức

Thứ nhất, khó thống nhất việc thực thi TFA của WTO và các hiệp định thương mại khác tại Việt Nam. Điều này tạo ra sự thiếu ổn định cho các nhà đầu tư và kinh doanh. Thực tiễn cho thấy, tạo thuận lợi thương mại quốc tế không phải là một mục tiêu chiến lược tập trung trong các kế hoạch cạnh tranh toàn cầu của Việt Nam. Chính vì vậy xây dựng cơ chế phối hợp giữa hải quan và các cơ quan quản lý nhà nước trong việc thực thi TFA là một thách thức lớn tại Việt Nam trong thời gian tới. Hiện tại, Việt Nam không thiếu các chính sách, kế hoạch và các dự án nhưng chúng không liên kết được với nhau (WB, 2013).

Thứ hai, thủ tục hải quan đối với hàng nhập khẩu cũng sẽ thuận lợi hơn trước nhiều, điều này sẽ tạo thuận lợi cho hàng hóa vào Việt Nam nhiều hơn. Đây chính là thách thức và khó khăn cho các doanh nghiệp trong nước, các doanh nghiệp này sẽ phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt hơn trước rất nhiều.

Thứ ba, năng lực đội ngũ hải quan còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới và cải cách theo nội dung TFA.

Quá trình thực thi TFA đòi hỏi Việt Nam tiếp tục đổi mới và cải cách thủ tục hải quan, theo đó cơ quan hải quan sẽ phải có chiến lược thay đổi căn bản, thực sự hướng về doanh nghiệp, điều này không dễ dàng, mặc dù ngành hải quan cũng đã phải chuyển mình cùng cơ chế thị trường và thực hiện các cam kết của Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế. Bên cạnh việc thay đổi của ngành hải quan thì sự thay đổi của các cơ quan ban ngành liên quan cũng là một thách thức đối với chính các cơ quan này, theo thống kê 70% thời gian dừng của thủ tục hành chính là nằm tại các cơ quan ban ngành liên quan chứ không phải bộ phận hải quan[3].

Có thể thấy đổi mới và cải cách thủ tục hải quan nhằm thực thi TFA trong thời gian tới sẽ gắn với sức ép cộng hưởng từ nhu cầu tự thân và các cam kết quốc tế, đáng kể đó là:

+ Sức ép về thực hiện tiêu chuẩn hóa, hài hóa hòa và đơn giản hóa hệ thống pháp luật hải quan Việt Nam tương thích với nội dung TFA và các công ước quốc tế của Tổ chức hải quan thế giới như Công ước Kyoto sửa đổi 1990, Công ước HS và Tiêu chuẩn thuận lợi và an ninh SAFE.

+ Sức ép về phương pháp đổi mới thủ tục hải quan: Thực tiễn cải cách hải quan tại Việt

[3] Giải thích của đại diện Tổng Cục hải quan tại Hội thảo "Quan hệ đối tác hải quan - doanh nghiệp trong thực thi Hiệp định tạo thuận lợi thương mại của WTO", VCCI, Tổng cục Hải quan, USAid, Hà Nội, 4/11/2014.

Nam đã góp phần tạo thuận lợi hóa thương mại tích cực nhưng vẫn tồn tại nhiều nút thắt trong việc triển khai đồng bộ và triệt để trên phạm vi toàn quốc. Dù áp dụng hải quan tự động nhưng việc truyền dữ liệu từ chi cục làm thủ tục đến chi cục cửa khẩu vẫn phải làm bằng tay và giấy; việc khai nộp thuế, khai tờ khai gây mất nhiều thời gian cho doanh nghiệp[4]. Các tiêu chí phải kê khai vẫn còn khá nhiều; tiêu chí được mã hóa khó hiểu, khiến bộ phận làm thủ tục của doanh nghiệp phải đối chiếu mất nhiều thời gian. Về hải quan điện tử, các doanh nghiệp cho rằng các vướng mắc vẫn chưa tháo gỡ được là thanh khoản hàng gia công chưa có trong VNACCS/VSIC (phần mềm hệ thống của Nhật Bản không thiết kế doanh nghiệp làm hàng gia công, trong khi số lượng doanh nghiệp loại này ở Việt Nam rất nhiều).

+ Sức ép về thời gian và lộ trình cam kết thực thi TFA và các Công ước quốc tế về hải quan. Ngày 31/7/2014, Việt Nam đã thông báo nhóm A gồm 15 biện pháp (trong tổng số 37 biện pháp của Hiệp định) bao gồm thực thi về thủ tục chung về phí và lệ phí; hàng chuyển phát nhanh, yêu cầu về thủ tục và chứng từ;…, cụ thể là: Điều 1.3 Các điểm giải đáp; Điều 1.4 Thông báo; Điều 2.1 Cơ hội góp ý và thông tin trước khi có hiệu lực; Điều 2.2 Tham vấn; Điều 4.1 Quyền khiếu nại hoặc rà soát; Điều 6.1 Các nguyên tắc chung về phí và lệ phí được áp hoặc liên quan đến nhập khẩu và xuất khẩu; Điều 6.2 Các nguyên tắc cụ thể về phí và lệ phí được áp hoặc liên quan đến nhập khẩu và xuất khẩu; Điều 7.8 Hàng hóa được thúc đẩy thông quan; Điều 9 Vận chuyển hàng hóa dưới sự kiểm soát hải quan đối với nhập khẩu; Điều 10.1 Các thủ tục và yêu cầu chứng từ; Điều 10.2 Chấp nhận bản sao; Điều 10.6 Áp dụng Đại lý Hải quan; Điều 10.7 Thủ tục biên giới chung và yêu cầu chứng từ thống nhất; Điều 11.1-3 Phí, quy định và thủ tục quá cảnh; Điều 11.4 Không phân biệt trong quá cảnh.

Đây là nhóm biện pháp phải thực thi ngay khi Hiệp định có hiệu lực vì vậy Việt Nam phải nỗ lực để hoàn thành cam kết. Hai mươi hai (22) biện pháp còn lại xếp vào nhóm B và C với lộ trình và điều kiện áp dụng với nước đang phát triển theo quy định tại Hiệp định.

3. Một số đề xuất đối với Việt Nam về việc phê chuẩn và thực thi TFA

3.1.Đối với Chính phủ

Đến ngày 4/11/2014, Việt Nam là một trong 42 (trên tổng số 160) nước đã gửi thông báo thực hiện các cam kết nhóm A với mức cam kết từ 5% đến 100%. Như trên đã đề cập, đối với nhóm A, Việt Nam có 15 cam kết (38%). Đây có thể nói là một trong những động thái rất quan trọng của Việt Nam. Thời gian qua Tổng Cục hải quan, VCCI đã có rất nhiều hội thảo (với sự hỗ trợ của USAid, Đại sứ quan Anh tại Hà Nội) nhằm phổ biến cho doanh nghiệp cũng như lấy ý kiến từ phía doanh nghiệp cho các nội dung thực thi TFA của Việt Nam. Đây là bước đi đúng đắn. Tuy nhiên bên cạnh đó ngành hải quan cũng cần triển khai những công việc tiếp theo nhằm nhanh chóng tận dụng hỗ trợ kỹ thuật từ WTO, UNCTAD hoặc các tổ chức khác.

Chính phủ cần phổ biến rộng rãi nội dung TFA và yêu cầu các cơ quan ban ngành liên quan phải có lộ trình và nội dung thực hiện từ ngay năm 2015.

[4] Đặng Thị Bình An (nguyên Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan) phát biểu tại Hội thảo triển khai Nghị quyết 19 của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hải quan, do Cơ quan phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAid), Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương, Hiệp hội doanh nghiệp dịch vụ logistics Việt Nam tổ chức, 22-8-2014, thành phố Hồ Chí Minh.

Việc thành lập mới Ủy ban quốc gia về tạo thuận lợi thương mại hay đổi mới từ một đơn vị đã có sẵn là điều chính phủ cần xem xét cẩn trọng. Hiện tại ở Việt Nam đã có một số cơ quan sau có các hoạt động về tạo thuận lợi thương mại:

- *Nhóm công tác tạo thuận lợi vận tải quốc gia trong khuôn khổ Hiệp định GMS* : Theo quy định tại Hiệp định về tạo thuận lợi cho người và vận tải hàng hóa qua biên giới (CBTA) được Việt nam ký kết và gia nhập năm 2002, Thủ tướng Chính Phủ đã ban hành Quyết định số 1226/QĐ-TTg ngày 6/9/2012 về việc kiện toàn Nhóm công tác tạo thuận lợi vận tải quốc gia. Cơ cấu tổ chức bao gồm đại diện các Bộ ngành liên quan. Văn phòng thường trực Nhóm công tác đặt tại Bộ Giao thông vận tải. Nhóm công tác sẽ thay mặt Chính phủ cùng với các Bộ, ngành liên quan giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện các hiệp định vận tải quốc tế song phương và đa phương trong các lĩnh vực đường bộ, đường sắt và đường thủy. Trải qua hơn 2 năm thành lập, Nhóm công tác đã hoàn thành xuất xắc nhiệm vụ của mình trong việc điều phối, triển khai thực hiện các Hiệp định liên quan đến vận tải.

- *Ủy ban quốc gia về hội nhập kinh tế quốc tế* : *Để thống nhất sự chỉ đạo của Chính phủ đối với quá trình Việt Nam gia nhập và hoạt động trong các tổ chức kinh tế - thương mại quốc tế và khu vực; ngày 10/2/1998 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 31/1998 QĐ-Ttg* về việc thành lập Uỷ ban quốc gia về hội nhập kinh tế quốc tế (UBQG về HNKTQT). Văn ph*òng của Ủy ban đặt tại Bộ Công t*hương. Những nhiệm vụ, quyền hạn cơ bản của Ủy ban là: Giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo và điều phối hoạt động của các Bộ, ngành và địa phương trong việc Việt Nam tham gia các hoạt động kinh tế - thương mại trong ASEAN, Diễn đàn Hợp tác Á - Âu (ASEM); đàm phán để gia nhập và hoạt động trong WTO, Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC) và các tổ chức kinh tế - thương mại quốc tế, khu vực khác; Giúp Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định các chủ trương và phương án đàm phán chung để làm cơ sở cho việc xây dựng phương án đàm phán của các Bộ, ngành và chỉ đạo Đoàn đàm phán Chính phủ về kinh tế - thương mại quốc tế trong quá trình đàm phán gia nhập các tổ chức kinh tế - thương mại quốc tế và khu vực nêu trên; chỉ đạo hoạt động của các Bộ, ngành liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của các tổ chức này; Giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành thực hiện việc điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách về kinh tế, thương mại trong nước để thích ứng với các định chế của các tổ chức kinh tế - thương mại quốc tế và khu vực mà Việt Nam tham gia.

- *Ban chỉ đạo quốc gia về Cơ chế một cửa ASEAN:* Trong khuôn khổ ASEAN, nhằm hướng tới Cộng đồng kinh tế ASEAN 2015, các nước cũng tích cực triển khai cơ chế một cửa quốc gia. Tại Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định số 1263/QĐ-TTg ngày 16/9/2008 về việc thành lập Ban chỉ đạo quốc gia về Cơ chế một cửa ASEAN giai đoạn 2008-2012. Ban chỉ đạo được điều hành trực tiếp bởi 01 Phó Thủ tướng với cơ quan thường trực đặt tại Tổng cục Hải quan và Tổng cục Hải quan cũng là cơ quan điều phối chính trong việc kết nối giữa các Bộ ngành trong việc triển khai chương trình này.

Do đó Chính phủ cần rà sóat lại, sát nhập các Ủy ban nói trên hoặc giao việc thực thi TFA cho một trong 3 Ủy ban nói trên chứ không nên thành lập một Ủy ban quốc gia mới.

Bên cạnh đó, Việt Nam bắt đầu đàm phán TFA trong WTO từ năm 2008, ở thời điểm bắt đầu, Bộ Công thương; Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan); Văn phòng UBQG về HTKTQT, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Phái đoàn Việt

Nam tại Geneva là những đơn vị trực tiếp tham gia. Tuy nhiên, trong quá trình đàm phán, do nhận thấy nội dung của Hiệp định không chỉ đề cập đơn thuần đến vấn đề kỹ thuật liên quan đến hải quan mà còn có một số các vấn đề liên quan đến phạm vi chức năng quản lý của các cơ quan quản lý biên giới khác như Bộ Y tế, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Khoa học công nghệ và môi trường, Bộ Tư lệnh Biên phòng, VCCI... nên Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) đã có ý kiến với UBQG về HTKT quốc tế về việc đề xuất thành lập Nhóm công tác liên Bộ về đàm phán TFA. Sau khi có ý kiến chấp thuận của UBQG về HTKTQT, Bộ Tài chính đã có quyết định số 2947/QĐ-BTC ngày 12/11/2010 về việc thành lập Nhóm công tác liên bộ nói trên với thành phần gồm 21 cá nhân đại diện từ các Bộ ngành, cơ quan liên quan, Tổng cục Hải quan đảm trách vai trò Trưởng nhóm đàm phán.

3.2. Đối với doanh nghiệp

Thứ nhất, doanh nghiệp cần biết thực hiện các quyền của mình, muốn vậy việc cập nhật thông tin về TFA cần được doanh nghiệp chủ động và hợp tác với cơ quan hải quan, VCCI, Hiệp hội ngành hàng.

Thứ hai, doanh nghiệp cần tích cực tham gia vào công cuộc cải cách thủ tục hải quan để phát hiện, phản ánh, đóng góp sáng kiến và tạo sức ép hợp lý.

✓ **Doanh nghiệp phát hiện dựa trên tiêu chí TFA+:** Những quy định chưa thích hợp với TFA; Những thực tế chưa phù hợp với TFA; Những vấn đề hạn chế hiệu quả của TFA.

✓ **Doanh nghiệp phản ánh theo các cơ chế TFA+:** Với các cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hải quan (hải quan, cơ quan quản lý chuyên ngành); Với các cơ quan giám sát, điều hành (Chính phủ, Quốc hội); Với các tổ chức đại diện doanh nghiệp (VCCI, Hiệp hội).

✓ **Doanh nghiệp sáng kiến theo TFA+:** Đề xuất cách thức để giải quyết bất cập; Bình luận cách thức cơ quan đề xuất; Phối hợp cùng đề xuất.

✓ **Doanh nghiệp sức ép bằng TFA+:** Các tiêu chuẩn, thời hạn hoàn thành cải cách thủ tục hải quan; Xếp hạng thế giới; Dư luận và ảnh hưởng.

3.3.Tạo ra một liên minh giữa Nhà nước và doanh nghiệp nhằm thực thi TFA

Điều này có thể đạt được thông qua một kế hoạch hành động quốc gia và công tác phối hợp của Ủy ban tạo thuận lợi thương mại quốc gia với các bên liên quan về k inh doanh và thương mại một cách thực sự hiệu quả. Đồng thời liên minh này sẽ thiết lập được một cơ chế tham vấn với doanh nghiệp thường xuyên và hiệu quả. Đây là mục tiêu của liên minh tạo thuận lợi thương mại Việt Nam. Mô hình của liên minh này có thể là một Ủy ban hỗn hợp công – tư, Ủy ban này phải có các báo cáo định kỳ về tiến trình thực hiện TFA. Ủy ban này sẽ góp phần x*ây dựng năng lực* pháp lý cho doanh nghiệp (tiếp cận, tuân thủ và kiến nghị về hệ thống pháp luật, thông tin hải quan) cũng như cho cơ quan Nhà nước (đội ngũ thực hiện giám sát và thực thi). Hiện tại đã có một số văn bản sau ít nhiều đề cập mô hình này như:

- Nghị định số 24/2009/ NĐ-CP qui định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản qui phạm pháp luật,
- Quyết định 06/2012/QĐ-Ttg về việc tham vấn cộng đồng doanh nghiệp về các thỏa thuận thương mại quốc tế,
- Các chương trình, văn bản, thiết chế hợp tác giữa VCCI với các bộ ngành, các hiệp hội trong và ngoài nước.

Kết luận

Cơ hội và thách thức từ việc thực thi TFA đối với Việt Nam rất rõ, đặc biệt cơ hội và thuận

lợi đối với doanh nghiệp. Những thuận lợi đó sẽ giúp doanh nghiệp giảm được thời gian và chi phí trong hoạt động kinh doanh của mình. Khó khăn và thách thức lớn nhất từ TFA là đối với Nhà nước trong quá trình thực thi là việc thay đổi quy trình, thay đổi thói quen,… nhằm làm cho các hoạt động chuẩn hóa hơn, hài hòa hơn…. Điểm khác biệt của TFA với các hiệp định khác của WTO là Hiệp định đưa ra lộ trình thực thi cụ thể cho các nước đang phát triển với sự hỗ trợ kỹ thuật từ các tổ chức quốc tế và nước phát triển. Việc thực thi Hiệp định không phải vấn đề ngay lập tức nhưng cũng không thể là vấn đề lâu dài vì bản chất của TFA là cải cách các thủ tục hành chính, thủ tục hải quan, gạt bỏ các rườm rà, gây lãng phí cho doanh nghiệp. Chính phủ Việt Nam cũng như cộng đồng doanh nghiệp đang và sẽ cần tích cực triển khai nhiều chương trình hành động nhằm phê chuẩn và thực thi Hiệp định trong thời gian sớm, điều này góp phần hiện thực hóa các cơ hội và vượt qua thách thức.❑

Tài liệu tham khảo

1. Hiệp định tạo thuận lợi thương mại của WTO.
2. ICC, 2014, *What border barriers impede business ability? Analysis of Survey on Trade Barriers*, (http://www.iccwbo.org/Advocacy-Codes-and-Rules/Document-centre/2014/What-border-barriers-impede-business-ability-%E2%80%93-Analysis-of-Survey-on-Trade-Barriers/ [Accessed 12/12/2014])
3. Moïsé, E. and S. Sorescu, 2013, *Trade Facilitation Indicators: The Potential Impact of Trade Facilitation on Developing Countries' Trade,* OECD Trade Policy Papers No. 144, OECD Publishing. (http://dx.doi.org/10.1787/5k4bw6kg6ws2-en/[Accessed 23/09/2014])
4. Trần Hữu Huỳnh, 2014, *Hiệp định tạo thuận lợi của WTO, doanh nghiệp được gì? Cần làm gì?,* Hà Nội: Hội thảo Quan hệ đối tác hải quan - doanh nghiệp trong thực thi Hiệp định tạo thuận lợi thương mại của WTO, 4/11/2014. UNCTAD, 2013, *Key Trends in International Merchandise Trade*. (http://unctad.org/en/PublicationsLibrary/ditctab20131_en.pdf /[Accessed 20/11/2014])
5. World Bank (WB), 2013*, the Global Enabling Trade Report, The World Bank, Vietnam International Committee for International Economic Cooperation, Trade Facilitation, Value Creation and Competitiveness: Policy Implication for Vietnam's economic growth*, Summary report. http://www3.weforum.org/docs/WEF_GlobalEnablingTrade_Report_2012.pdf /[Accessed 25/11/2014].
6. World Bank (WB), 2014, Doing Business. (http://www.doingbusiness.org/data/exploretopics/trading-across-borders?TopicId=8&TopicName=trading-across-borders&SortColumn=9&SortDirection=asc&ItemId=%7b8B5EB1DB-B2AC-44AC-BFFE-8A39C2D35998%7d&ajax=1/[Accessed 20/12/2014]).
7. Tổng cục Hải quan, UNCTAD, Hanoi Bristish Embassy, 2014, *Thực hiện Hiệp* định *tạo thuận lợi thương mại của WTO*, Hà Nội: Hội thảo tạo thuận lợi thương mại., 15 – 16/12/2014.
8. Tổng cục Hải quan, VCCI, USAid, *Quan hệ* đối *tác hải quan – doanh nghiệp trong thực thi Hiệp* định *tạo thuận lợi thương mại của WTO*, Hà Nội: Hôi thảo tạo thuận lợi thương mại của WTO, 4/11/2014.